



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

Kiểm toán - Audit | Thuế - Tax | Tư vấn - Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tháng 3 năm 2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MT Gas (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Thông	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2018)
Ông Vũ Đại Bách	Thành viên - Tổng Giám đốc
Ông Lê Thắng Lợi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2018)
Bà Hoàng Diệu Linh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2018)
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
Ông Võ Đông Tùng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2018)
Bà Nguyễn Đặng Mỹ Năng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2018)
Bà Võ Thị Minh Toàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2018)

Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đại Bách

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Vũ Đại Bách
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2018



Số: 680/2018/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần MT Gas

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần MT Gas (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản của Công ty bao gồm khoản tài sản thiếu chờ xử lý phát sinh từ năm 2014 với giá trị là 2.657.086.443 VND, được trình bày tại thuyết minh số 9 của Thuyết minh báo cáo tài chính. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng về tính hiện hữu và phù hợp của khoản mục này và chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2014-072-1

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.761.116.381	64.329.478.836
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.461.784.992	5.085.981.265
1. Tiền	111	5	2.461.784.992	5.085.981.265
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.056.800.000	11.038.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	14.a	797.724.138	797.724.138
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	14.a	(240.924.138)	(259.724.138)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14.b	9.500.000.000	10.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.332.115.837	31.739.501.409
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.494.042.781	18.792.359.683
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.290.111	33.555.836
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	99.649.671
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.a	3.260.869.836	15.590.022.240
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(7.099.173.334)	(5.433.172.464)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	2.657.086.443	2.657.086.443
IV. Hàng tồn kho	140		11.580.410.780	15.753.669.446
1. Hàng tồn kho	141	10	11.580.410.780	15.753.669.446
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		330.004.772	712.326.716
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	330.004.772	502.271.107
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	206.485.799
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17.a	-	3.569.810
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.258.162.915	180.762.756.480
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		703.404.600	73.922.006.259
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	73.218.601.659
2. Phải thu dài hạn khác	216	7.b	703.404.600	703.404.600
II. Tài sản cố định	220		29.603.549.658	34.052.447.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	29.585.786.668	34.016.921.809
- Nguyên giá	222		70.274.047.526	70.315.217.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.688.260.858)	(36.298.295.717)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	17.762.990	35.526.014
- Nguyên giá	228		201.191.977	201.191.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(183.428.987)	(165.665.963)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	206.961.310
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	206.961.310
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10.078.312.328
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14.c	480.000.000	11.964.490.193
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14.c	(480.000.000)	(1.886.177.865)
V. Tài sản dài hạn khác	260		58.951.208.657	62.503.028.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	56.701.208.657	62.503.028.760
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	2.250.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		124.019.279.296	245.092.235.316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		83.438.799.560	126.530.681.886
I. Nợ ngắn hạn	310		59.509.931.667	97.515.868.435
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	16.375.943.674	43.452.688.034
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	148.538.279
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.b	153.644.499	22.142.133
4. Phải trả người lao động	314		1.076.107.368	720.778.965
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.747.546.379	1.677.660.180
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	246.689.747	264.060.844
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	39.910.000.000	51.230.000.000
II. Nợ dài hạn	330		23.928.867.893	29.014.813.451
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	23.928.867.893	29.014.813.451
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.580.479.736	118.561.553.430
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	40.580.479.736	118.561.553.430
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.000.000.000	119.999.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.000.000.000	119.999.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	21.475.046.700
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		671.665.980	1.989.952.715
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		530.654.057	530.654.057
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.621.840.301)	(25.434.050.042)
- Lợi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(4.028.003.342)	(29.378.679.041)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(19.593.836.959)	3.944.628.999
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		124.019.279.296	245.092.235.316



Trần Văn Trinh
 Người lập biểu
 Ngày 12 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Thanh Nhân
 Kế toán trưởng




 Vũ Đại Bách
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	225.020.746.786	280.436.766.392
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	16.558.663.124	10.314.948.761
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	208.462.083.662	270.121.817.631
4. Giá vốn hàng bán	11	23	191.658.428.221	245.187.691.641
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.803.655.441	24.934.125.990
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	604.635.636	792.755.274
7. Chi phí tài chính	22	25	2.410.163.887	4.557.918.261
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.782.604.226	4.262.167.446
8. Chi phí bán hàng	25	26	3.636.659.033	3.688.477.491
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	13.906.974.697	13.855.725.011
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(2.545.506.540)	3.624.760.501
11. Thu nhập khác	31	28	545.419.940	474.451.389
12. Chi phí khác	32	29	19.843.750.359	97.982.891
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(19.298.330.419)	376.468.498
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(21.843.836.959)	4.001.228.999
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	-	-
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	(2.250.000.000)	-
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(19.593.836.959)	4.001.228.999
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(1.941)	333



Trần Văn Trinh
Người lập biểu
Ngày 12 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Wũ Đại Bách
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(21.843.836.959)	4.001.228.999
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư	02	4.432.839.838	4.575.372.814
Các khoản dự phòng	03	241.023.005	443.222.846
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(592.585.815)	(747.176.864)
Chi phí lãi vay	06	3.782.604.226	4.262.167.446
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	44.712.774.317	2.762.530.254
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.173.258.666	(6.233.837.081)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(31.840.059.549)	10.609.446.671
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.235.236.075	1.751.628.296
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	466.275.862
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.714.427.003)	(4.333.237.586)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(69.000.000)	(115.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.517.826.801	17.442.571.657
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(38.130.000)	(1.172.910.909)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	(8.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	14.200.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.132.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	564.056.926	747.176.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.657.926.926	5.274.265.955

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(479.950.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	168.983.282.184	198.998.214.654
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(180.303.282.184)	(224.875.569.205)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(509.213.862)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.799.950.000)	(26.397.968.413)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.624.196.273)	(3.681.130.801)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.085.981.265	8.767.112.066
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	2.461.784.992	5.085.981.265

Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư IMG ("IMG") đã thoái vốn một phần dẫn đến mất quyền kiểm soát tại Công ty. Giá trị cổ phiếu phải trả lại cho Công ty IMG đã được cân trừ với khoản phải thu về giá trị thanh lý quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Cầu cảng Phước Đông phải thu Công ty IMG. Theo đó, một khoản giảm vốn chủ sở hữu tương ứng với giảm khoản phải thu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán mà không làm ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần IMG Phước Đông cho Công ty IMG. Giá trị chuyển nhượng này được cân trừ với khoản phải thu Công ty IMG về thanh lý quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Cầu cảng Phước Đông. Theo đó, một khoản giảm Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tương ứng với giảm khoản phải thu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán mà không làm ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



Trần Văn Trinh
Người lập biểu
Ngày 12 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Vũ Đại Bách
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MT Gas (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100480979 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 2 năm 2007 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 63 tỷ VND được chia thành 6.300.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 69 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 71 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần MT Gas (tỉnh Long An)	155 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (thiết kế, gia công lắp đặt bồn bể, thiết kế áp lực, mua bán thiết bị ngành xăng dầu, khí hóa lỏng); sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (sản xuất chai chứa khí áp lực LPG, CNG, sản xuất chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), CNG, NH₃, CO₂, bình chứa cháy); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; đại lý, môi giới, đấu giá; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), trạm chiết LPG, CNG); bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bếp gas và các thiết bị phụ trợ ngành gas); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (sửa chữa và bảo dưỡng chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), CNG, NH₃, CO₂, bình chứa cháy); kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (LPG), xăng dầu, dầu mỡ nhờn; vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông; kinh doanh cảng biển, cảng sông; mua bán: vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); xây dựng: cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp, thi công cầu đường, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng, mua bán: vật liệu xây dựng, trang trí - ngoại thất, xuất nhập khẩu khí hóa lỏng.

Hoạt động chính của Công ty là trong kỳ là sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và sản xuất chai chứa khí áp lực LPG, CNG.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm, Công ty đã giảm vốn điều lệ với số tiền là 56.999.950.000 VND tương ứng với giá trị thoái vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư IMG (“IMG”) dẫn đến mất quyền kiểm soát tại Công ty. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chỉ còn 63.000.000.000 VND.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần IMG Phước Đông cho Công ty IMG với giá chuyển nhượng là 11.484.490.193 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 14
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 8 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sản xuất vỏ bình gas xuất dùng được Công ty phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 về việc xử lý thuế đối với khoản tiền đặt cọc vỏ bình gas và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng chai.

Các khoản chi phí trả trước còn lại bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định và công cụ dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	935.062.457	391.348.250
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.526.722.535	4.694.633.015
Cộng	2.461.784.992	5.085.981.265

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	2.583.837.341	2.583.837.341
Công ty Cổ phần Đầu tư IMG	1.154.906.182	-
Công ty TNHH Thương mại An Thành ĐT	1.000.898.732	999.566.901
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu Mai Khê gas	117.172.665	7.489.993.385
Các khách hàng khác	6.637.227.861	7.718.962.056
Cộng	11.494.042.781	18.792.359.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>a. Ngắn hạn</i>		
Phải thu các nhân viên đã nghỉ việc	1.473.880.551	1.473.880.551
Phải thu khoản tạm ứng đầu tư dự án Tân Tập	1.239.222.215	1.239.222.215
Phải thu người lao động	487.000.000	519.552.352
Lãi tiết kiệm dự thu	28.528.889	-
Phải thu Công ty CP IMG Phước Đông	-	6.400.000.000
Phải thu lãi cho vay từ Công ty CP Đầu tư IMG	-	2.028.530.589
BHXH nộp thừa	-	4.178.104
Phải thu Công ty CP ACC Thăng Long tiền hoàn trả vốn góp	-	2.132.000.000
Khoản tạm ứng cho ông Lê Tự Minh	-	1.740.758.059
Phải thu khác	32.238.181	51.900.370
Cộng	3.260.869.836	15.590.022.240
<i>b. Dài hạn</i>		
Ký quỹ thuê văn phòng	631.404.600	631.404.600
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	72.000.000	72.000.000
Cộng	703.404.600	703.404.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI

	31/12/2017		01/01/2017		Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
Phải thu tiền bán hàng phát sinh trước năm 2010	2.583.837.341 262.789.405 214.325.059	- - -	>3 năm >3 năm >3 năm	2.583.837.341 262.789.405 214.325.059	- - -	Công ty TNHH MTV Khí Đốt Nam Việt Công ty TNHH Thành Long Công ty TNHH An Hiệp
Phải thu tiền bán hàng phát sinh năm 2012	232.379.461	-	>3 năm	232.379.461	-	Công ty TNHH SX-TM Gốm Mỹ nghệ Long Trường
Phải thu tiền bán hàng phát sinh năm 2014	803.795.007	-	>3 năm	803.795.007	241.138.502	Gas Thanh Hùng
Phải thu tiền bán hàng phát sinh từ năm 2014 trở về trước	1.113.982.248	254.027.192	>3 năm	1.084.933.625	392.311.388	Các khách hàng khác
Phải thu tiền bán hàng phát sinh từ năm 2015 đến nay	1.753.960	526.188	2-3 năm	-	-	Các khách hàng khác
Phải thu khác phát sinh từ năm 2008 trở về trước	1.239.222.215 439.239.324 330.000.000 486.703.809	- 131.771.797 99.000.000 146.011.143	3 năm 2-3 năm 2-3 năm 2-3 năm	439.239.324 330.000.000 486.703.809	- 131.771.797 99.000.000 156.700.327	Dự án Tân Tập Phạm Thế Cường Trần Vĩnh Hà Người lao động đã nghỉ việc
Phải thu khác phát sinh sau ngày 31/12/2014	32.116.893	9.635.068	2-3 năm	32.116.893	16.025.446	Các đối tượng khác
Cộng	7.740.144.722	640.971.388		6.470.119.924	1.036.947.460	
Giá trị đã lập dự phòng	7.099.173.334			5.433.172.464		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số lượng	VND Giá trị	Số lượng	VND Giá trị
a. Hàng tồn kho				
- Khí hóa lỏng (LPG)	184.446	2.299.938.330	184.446	2.299.938.330
- Gas bình 45 kg	8.338	116.828.117	8.338	116.828.117
- Hàng hóa khác		28.797.753		28.797.753
b. Tài sản khác		211.522.243		211.522.243
Cộng	192.784	2.657.086.443	192.784	2.657.086.443

Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu là giá trị hàng tồn kho thiếu khi kiểm kê thực tế so với sổ sách phát sinh từ năm 2014 trở về trước. Hiện tại, Công ty vẫn đang xem xét hướng xử lý đối với giá trị tài sản thiếu này.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	446.111	-
Nguyên liệu, vật liệu	762.686.625	-	1.866.642.267	-
Công cụ, dụng cụ	39.022.957	-	76.657.273	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	2.711.688	-	343.576.041	-
Thành phẩm	379.798.056	-	423.402.783	-
Hàng hóa	10.396.191.454	-	7.902.516.712	-
Hàng gửi bán	-	-	5.140.428.259	-
Cộng	11.580.410.780	-	15.753.669.446	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Phí mở bảo lãnh thanh toán	17.391.539	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	94.339.204	130.662.932
Chi phí phúc lợi cho nhân viên	52.125.000	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	55.422.966	92.466.822
Chi phí sửa chữa tài sản	4.175.417	92.896.638
Các khoản khác	106.550.646	186.244.715
Cộng	330.004.772	502.271.107
b. Dài hạn		
Vỏ bình gas xuất dùng	48.925.619.052	55.794.386.658
Chi phí sơn, sửa vỏ bình gas	6.434.619.180	5.482.121.298
Chi phí kiểm định bình gas	666.126.836	668.622.320
Chi phí sửa chữa cầu cảng, nhà kho	581.343.126	511.103.010
Các khoản khác	93.500.463	46.795.474
Cộng	56.701.208.657	62.503.028.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	44.229.993.747	16.020.474.514	7.275.321.174	752.591.855	2.036.836.236	70.315.217.526
Mua trong năm	-	-	-	-	38.130.000	38.130.000
Phân loại sang chi phí trả trước	(79.300.000)	-	-	-	-	(79.300.000)
Tại ngày 31/12/2017	44.150.693.747	16.020.474.514	7.275.321.174	752.591.855	2.074.966.236	70.274.047.526
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	21.868.891.911	7.142.196.311	4.657.164.363	728.016.279	1.902.026.853	36.298.295.717
Khấu hao trong năm	2.264.085.913	1.187.383.261	858.948.528	24.575.576	80.083.536	4.415.076.814
Phân loại sang chi phí trả trước	(25.111.673)	-	-	-	-	(25.111.673)
Tại ngày 31/12/2017	24.107.866.151	8.329.579.572	5.516.112.891	752.591.855	1.982.110.389	40.688.260.858
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	22.361.101.836	8.878.278.203	2.618.156.811	24.575.576	134.809.383	34.016.921.809
Tại ngày 31/12/2017	20.042.827.596	7.690.894.942	1.759.208.283	-	92.855.847	29.585.786.668

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7.549.578.764 VND, (31 tháng 12 năm 2016: 3.780.016.637 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ Tại ngày 01/01/2017 và tại ngày 31/12/2017	<u>201.191.977</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ Tại ngày 01/01/2017	165.665.963
Khấu hao trong năm	17.763.024
Tại ngày 31/12/2017	<u>183.428.987</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI Tại ngày 01/01/2017	35.526.014
Tại ngày 31/12/2017	<u>17.762.990</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a. Chứng khoán kinh doanh				
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	797.724.138	556.800.000	797.724.138	538.000.000
		(240.924.138)		(259.724.138)
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	9.500.000.000	9.500.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP IMG Phước Đông	-	-	11.484.490.193	9.598.312.328
Công ty CP Năng lượng VinaBenny	480.000.000	-	480.000.000	-
Cộng	480.000.000	-	11.964.490.193	9.598.312.328
		(480.000.000)		(1.886.177.865)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Bảng cân đối kết toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Tại ngày	Tại ngày	2017	2016
	31/12/2017	01/01/2017	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
Tài sản thuế hoãn lại				
Các khoản lỗ tính thuế	2.250.000.000	-	2.250.000.000	-
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh			2.250.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 30.977.493.795 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 29.146.431.875 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 2.250.000.000 VND tương ứng với lợi nhuận ước tính thu được trong tương lai.

Số lỗ tính thuế của Công ty sẽ được khấu trừ vào lợi nhuận trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh. Chi tiết số lỗ tính thuế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Các khoản lỗ tính thuế VND
Năm phát sinh	
2017	1.831.061.920
2014	29.146.431.875
Cộng	30.977.493.795

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	15.749.885.246	15.749.885.246	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư IMG	82.500.000	82.500.000	4.264.574.456	4.264.574.456
Công ty Cổ phần IMG Phước Đông	-	-	4.024.584.540	4.024.584.540
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	-	-	31.350.801.855	31.350.801.855
Các nhà cung cấp khác	543.558.428	543.558.428	3.812.727.183	3.812.727.183
Cộng	16.375.943.674	16.375.943.674	43.452.688.034	43.452.688.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
a. Phải thu				
Các loại thuế khác	3.569.810	3.569.810	-	-
Cộng	3.569.810	3.569.810	-	-
b. Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.503.799.303	1.371.952.466	131.846.837
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	345.025.749	345.025.749	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.142.133	243.560.328	243.904.799	21.797.662
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	22.142.133	2.098.385.380	1.966.883.014	153.644.499

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	1.632.514.191	1.201.805.181
Chi phí lãi vay	68.177.223	-
Trích trước chi phí lương tháng 13	-	436.854.999
Chi phí khác	46.854.965	39.000.000
Cộng	1.747.546.379	1.677.660.180

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	39.255.765	41.759.565
Bảo hiểm xã hội	33.281.250	
Phải trả về cổ phần hóa	76.682.169	76.682.169
Cổ tức phải trả	38.807.150	41.807.150
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	77.509.846
Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.663.413	26.302.114
Cộng	246.689.747	264.060.844
b. Dài hạn		
Nhận tiền đặt cọc vỏ bình gas (i)	23.812.731.893	28.865.017.451
Nhận ký quỹ, ký cược khác	116.136.000	149.796.000
Cộng	23.928.867.893	29.014.813.451

(i) Khoản nhận tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas từ khách hàng được Công ty phân bổ vào doanh thu tương ứng với thời hạn phân bổ của vỏ bình gas, được hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 về việc xử lý thuế đối với khoản tiền đặt cọc vỏ bình gas và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
	39.910.000.000	39.910.000.000	160.250.000.000	51.230.000.000
	-	-	8.733.282.184	8.733.282.184
	39.910.000.000	39.910.000.000	168.983.282.184	51.230.000.000
				51.230.000.000

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông
thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (i)
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở Giao dịch 2
Cộng

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cấp tín dụng 1600-LAV-201700496 ngày 11 tháng 4 năm 2017 với hạn mức vay là 120 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi quyền sử dụng các lô đất tại tờ bản đồ số 5 xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An mượn của Công ty cổ phần IMG Phước Đông theo hợp đồng thế chấp tài sản cầm cố số 1600-LCL-201600775 ngày 5 tháng 8 năm 2016 và hợp đồng thế chấp tài sản cầm cố số 1600-LCP-201100674 ngày 11 tháng 8 năm 2011 kèm theo phụ lục sửa đổi bổ sung ngày 6 tháng 4 năm 2012. Khoản vay này chịu lãi suất theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ và được quy định trong từng kế ước nhận nợ, lãi suất vay bình quân trong năm là 8%/năm. Thời hạn vay của từng kế ước nhận nợ là 6 tháng tính từ ngày giải ngân của mỗi kế ước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	119.999.950.000	21.475.046.700	1.989.952.715	530.654.057	(29.286.279.040)	114.709.324.432
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.001.228.999	4.001.228.999
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	(11.400.000)	(11.400.000)
Chi thù lao HĐQT, ban kiểm soát	-	-	-	-	(137.600.001)	(137.600.001)
Tại ngày 01/01/2017	119.999.950.000	21.475.046.700	1.989.952.715	530.654.057	(25.434.050.042)	118.561.553.430
Lợi nhuận trong năm	(56.999.950.000)	-	-	-	(19.593.836.959)	(19.593.836.959)
Hoàn trả vốn góp cho chủ sở hữu	-	(21.475.046.700)	-	-	-	(21.475.046.700)
Sử dụng Thặng dư vốn cổ phần để bù đáp lỗ lũy kế (i)	-	-	-	-	21.475.046.700	-
Sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để bù đáp khoản tạm ứng xúc tiến dự án của ông Lê Tự Minh (ii)	-	-	(1.318.286.735)	-	-	(1.318.286.735)
Chi thù lao HĐQT, ban kiểm soát	-	-	-	-	(69.000.000)	(69.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	63.000.000.000	-	671.665.980	530.654.057	(23.621.840.301)	40.580.479.736

(i) Trong năm, Công ty đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc sử dụng toàn bộ khoản Thặng dư vốn cổ phần để bù đắp khoản lỗ lũy kế phát sinh đến cuối năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2017/NQ.ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017.

(ii) Ngày 3 tháng 11 năm 2017, Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để bù đắp cho các khoản chi tạm ứng xúc tiến dự án của ông Lê Tự Minh được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	11.999.995	11.999.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	11.999.995	11.999.995
+ Cổ phiếu phổ thông	11.999.995	11.999.995
Số lượng cổ phiếu hoàn trả cho chủ sở hữu	(5.699.995)	-
+ Cổ phiếu phổ thông	(5.699.995)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.300.000	11.999.995
+ Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	11.999.995
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.		

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu kinh doanh LPG	223.628.326.788	279.341.171.174
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.392.419.998	1.095.595.218
Cộng	225.020.746.786	280.436.766.392
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Chiết khấu thương mại	15.626.404.138	10.014.066.671
Hàng bán bị trả lại	932.258.986	300.882.090
Cộng	16.558.663.124	10.314.948.761
Doanh thu thuần	208.462.083.662	270.121.817.631

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn kinh doanh LPG	190.851.956.894	244.910.279.639
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	806.471.327	792.939.168
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(515.527.166)
Cộng	191.658.428.221	245.187.691.641

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	552.235.815	703.676.864
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.350.000	47.500.000
Chiết khấu thanh toán	10.933.131	41.578.410
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.116.690	-
Cộng	604.635.636	792.755.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	3.782.604.226	4.262.167.446
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính	(1.424.977.865)	(349.600.999)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	52.537.526	7.784.119
Chi phí thuê, mượn tài sản	-	535.331.833
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	343.875.862
Hoàn nhập tiền ký quỹ hợp đồng thuê tài chính	-	(241.640.000)
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	2.410.163.887	4.557.918.261

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương nhân viên	2.200.776.471	2.119.815.074
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	18.527.777
Chi phí khấu hao	119.436.720	355.818.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.287.785.812	1.194.316.206
Các khoản chi phí bán hàng khác	28.660.030	-
Cộng	3.636.659.033	3.688.477.491

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương nhân viên	4.524.845.997	3.926.124.655
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	68.667.295	7.330.910
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.884.043.950	3.158.476.766
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.666.000.870	1.308.351.011
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.121.603.605	4.598.703.974
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	635.812.980	850.737.695
Cộng	13.906.974.697	13.855.725.011

28. THU NHẬP KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Thu từ bán phế liệu	207.110.908	336.039.091
Xử lý số dư công nợ tồn đọng lâu năm	144.628.524	-
Xử lý tài sản thừa chờ xử lý	77.509.846	-
Thu phạt vi phạm hợp đồng	-	71.535.684
Thu nhập khác	116.170.662	66.876.614
Cộng	545.419.940	474.451.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Lỗi chuyển nhượng quyền thuê đất	17.438.181.818	-
Thuế GTGT đầu vào của quyền thuê đất không được khấu trừ	1.743.818.182	-
Các khoản phạt thuế	8.394.784	2.478.618
Các khoản tạm ứng không thể thu hồi	3.476.402	95.504.273
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	154.435.856	-
Chi phí khác	495.443.317	-
Cộng	19.843.750.359	97.982.891

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(21.843.836.959)	4.001.228.999
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(40.350.000)	(47.500.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(40.350.000)</i>	<i>(47.500.000)</i>
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	20.053.125.039	85.000.000
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>20.053.125.039</i>	<i>85.000.000</i>
Thu nhập chịu thuế	(1.831.061.920)	4.038.728.999
Lỗi tính thuế mang sang	-	(4.038.728.999)
Thu nhập tính thuế	(1.831.061.920)	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	159.779.142.834	104.999.958.918
Chi phí nhân công	5.620.710.175	8.071.834.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.693.705.662	4.575.372.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.864.993.679	6.180.204.580
Chi phí bằng tiền khác	664.473.010	850.737.695
Cộng	176.623.025.360	124.678.108.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2017 VND	2016 VND
(Lỗ)/Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	(19.593.836.959)	4.001.228.999
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.094.791	11.999.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.941)	333

33. THU NHẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau

	2017 VND	2016 VND
Lương và các khoản thù lao khác	998.548.452	923.022.138



Trần Văn Trình
Người lập biểu
Ngày 12 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Vũ Đại Bách
Tổng Giám đốc